TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KBANG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2024/DS-ST.
Ngày: 22/3/2024.
"V/v: ***Kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng"***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG,TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Tư
2. Bà Vương Thị Hội.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê là Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thuỳ-Kiểm sát viên (KSV).

Ngày 22/3/2024, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2023/TLST-DS ngày 17/10/2023 về việc: *"Kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-DS ngày 16/02/2024, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Ngân hàng C (CSXH);

Địa chỉ: Tòa nhà C, bán đảo L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Thu H - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện K, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: B Q, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

-*Bị đơn:* Ông Lữ Đình N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Bà H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2023, được bổ sung tại Bản tự khai ngày 18/10/2023 và Đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 08/01/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị Thu H trình bày:

Vào ngày 20/3/2017, ông Lữ Đình N đã vay vốn tín dụng ưu đãi của Ngân hàng C (*sau đây gọi tắt là Ngân hàng*) thông qua Phòng giao dịch huyện K, tỉnh Gia Lai với số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 7069425690, mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi bò sinh sản, thời hạn vay là 36

tháng kể từ ngày 20/3/2017, lãi suất cho vay là 9%/năm, lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay tín chấp.

Theo thỏa thuận với Ngân hàng, ông N phải nộp lãi và trả nợ gốc theo phân kỳ cho Ngân hàng nhưng ông thực hiện không đúng như cam kết, mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở ông trả nợ theo đúng phân kỳ; đến thời điểm khởi kiện, ông N mới chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 9.000.000 đồng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N phải trả cho Ngân hàng 21.000.000 đồng nợ gốc, 3.675.403 đồng nợ lãi quá hạn tính đến ngày 13/10/2023, tổng cộng là 24.675.403 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N đã trả thêm cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 5.050.000 đồng nên Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với ông N về số tiền nợ gốc từ 21.000.000 đồng xuống còn 15.950.000 đồng.

Tại Bảng kê tính lãi bổ sung, Ngân hàng bổ sung yêu cầu ông N phải trả thêm số tiền nợ lãi quá hạn phát sinh từ ngày 14/10/2023 đến xét xử (ngày 22/3/2024) là 818.038 đồng. Như vậy, Ngân hàng yêu cầu ông N phải trả nợ tổng cộng là 20.443.441 đồng, gồm: Nợ gốc là 15.950.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 4.493.441 đồng *(tính đến ngày 22/3/2024)* cũng như trả số tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 23/3/2024 cho đến khi ông N trả nợ xong.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm:

-01 Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ (bản sao);

-01 Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 02/3/2017 của người vay ông Lữ Đình N (bản sao).

-01 Sổ vay vốn mang tên người vay Lữ Đình N (bản sao);

-01 Quyết định v/v ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 (bản sao).

Đối với bị đơn ông Lữ Đình N: Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã triệu tập ông đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo thụ lý vụ án, làm Bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải do Toà án tổ chức nhưng ông không chấp hành có mặt làm việc.

Do vụ án không tiến hành hoà giải được vì ông N vắng mặt nên Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 05/3/2024 và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Toà án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng ông N luôn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo như quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Ông Lữ Đình N, sinh năm 1985, có địa chỉ tại: Thôn A, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai; điều này được thể hiện qua chứng cứ do Ngân hàng G là Sổ vay vốn có mã KH 7069425690 *(bản sao)*.

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của BLTTDS năm 2015; các Điều 280, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C, buộc bị đơn ông Lữ Đình N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 20.443.441 đồng, gồm: Nợ gốc là 15.950.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.493.441 đồng *(các khoản lãi tính đến ngày 22/3/2024)* cũng như buộc ông N phải trả số tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 23/3/2024 cho đến khi ông N trả nợ xong theo quy định của pháp luật.

Buộc ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) là 1.022.172 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Việc vay vốn giữa ông Lữ Đình N với Ngân hàng C được thể hiện qua Sổ vay vốn có mã khách hàng 7069425690 là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Ngân hàng là chủ thể cho rằng mình có quyền lợi bị xâm phạm vì sau khi vay vốn, ông N đã không trả nợ theo đúng cam kết nên Ngân hàng được quyền khởi kiện, điều kiện khởi kiện đảm bảo nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai theo như quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ do Ngân hàng cung cấp là Sổ vay vốn có mã khách hàng 7069425690 cùng Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 17/3/2017 đã thể hiện vào ngày 20/3/2017, ông Lữ Đình N có vay vốn tín dụng ưu đãi của Ngân hàng thông qua Phòng giao dịch huyện K, tỉnh Gia Lai với số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay: Căn nuôi bò sinh sản, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 20/3/2017, lãi suất cho vay là 9%/năm, lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay tín chấp; ông N phải trả gốc theo kỳ hạn 12 tháng 1 lần với số tiền là 10.000.000 đồng và trả lãi đối với khoản vay theo phương thức hàng tháng vào ngày 05 hàng tháng. Tất cả các điều kiện trên của bên cho vay (Ngân hàng) đối với bên vay (ông N) đã được ông ký xác nhận.

Tuy nhiên, kể từ khi vay vốn đến nay, ông N sử dụng vốn vay không hiệu quả, không trả được nợ gốc và lãi theo đúng cam kết nên ông đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 22/3/2024, ông N còn nợ Ngân hàng là 15.950.000 đồng nợ gốc và 4.493.441 đồng nợ lãi quá hạn. Vì vậy, việc Ngân hàng khởi kiện ông để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, ông N luôn vắng mặt trong các lần Tòa án công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, buộc ông N phải trả nợ cho Ngân hàng với số tiền nợ gốc là 15.950.000 đồng và nợ lãi quá hạn (tính đến ngày 22/3/2024) là 4.493.441 đồng, tổng cộng là 20.443.441 đồng.

[3] Về án phí DSST: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên ông N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 20.443.441 đồng x 5% = 1.022.172 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C, buộc bị đơn ông Lữ Đình N phải trả cho Ngân hàng thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện K, tỉnh Gia Lai số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 7069425690 là 20.443.441 đồng, gồm: 15.950.000 đồng nợ gốc và 4.493.441 đồng nợ lãi quá hạn *(tính đến ngày 22/3/2024)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được thi hành án dân sự (THADS), người phải THADS có quyền thoả thuận thi hành án (THA), quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo các Điều 6, 7, 7a và 9 của LTHADS; thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của LTHADS.

Về án phí DSST: Buộc ông Lữ Đình N phải chịu án phí là 1.022.172 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND huyện Kbang;
-Chi cục THADS huyện Kbang;
-Các đương sự;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nguyên